

DANH SÁCH HỌC SINH, HỌC VIÊN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ, HỌC VIÊN BÁN TRÚ THEO ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 THÁNG 1->05 NĂM 2025



(Kèm theo QĐ số: 311... /QĐ-UBND, ngày 12 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Mường Nhà)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giảm hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
1	Thào A Đức	2018	1a1	Thào A Cài	Bản C5, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
2	Lò Tuấn Linh	2018	1a1	Lò Văn Vui	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
3	Lường Thị Pàn	2018	1a1	Lường Văn Nhân	Bản Huổi Cánh, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
4	Lò Thị Diệp Phi	2018	1a1	Nà Thị Lún	Bản Pá Chá, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
5	Lò Thị Anh Thu	2018	1a1	Lò Thị Thêm	Bản Pá Chá, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
6	Cút Minh Thương	2018	1a1	Cút Văn Hương	Bản Huổi Cánh, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
7	Sùng Thị Hoa	2018	1a1	Thào Thị Bìa	C5 Pu Hồng - DBD	936.000		15	5	4.680.000		75	
8	Cút Xuân Huy	2018	1a1	Cút Văn Quyền	Nà Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
9	Lường Bảo Bằng	2018	1a2	Lường Văn Vượt	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
10	Lò Gia Bảo	2018	1a2	Lường Thị Liên	Bản Huổi Cánh, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
11	Lường Thành Đô	2018	1a2	Lường Văn Hồng	Bản Pá Chá, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
12	Thào A Lênh	2018	1a2	Thào A Lồng	Bản C5, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
13	Lò Thị Phương	2018	1a2	Lò Văn Mân	Bản Huổi Cánh, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
14	Lường Ngọc Tinh	2018	1a2	Lường Văn Thương	Bản Huổi Cánh, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
15	Thào A Toán	2018	1a2	Thào A Vá	Bản C5, Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
16	Cút Thị Hạo Kim	2018	1a2	Cút Văn Học	Nà Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
17	Mòng Tuệ Mẫn	2018	1a2	Mòng Thị May	Bản Khăm Pòm - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
18	Lường Anh Phú	2017	2a1	Lường Văn Biên	Bản Khăm Pòm - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
19	Vàng Nhập Du	2017	2a1	Sùng Thị Đình	Bản Khăm Pòm - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
20	Lường Sơn Bá	2017	2a1	Lường Văn Chiến	Bản Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
21	Mong Thị Mỹ Chi	2017	2a1	Mong Văn Yên	Bản Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
22	Lò Thị Kim Chi	2017	2a1	Lò Văn Uôn	Loong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
23	Lường Thiên Phú	2017	2a1	Lường Văn Nghiên	Loong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
24	Lường Thị Thanh Xuân	2017	2a1	Lường Văn Hương	Loong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
25	Thào Thị Sênh	2017	2a1	Thào A Ly	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
26	Vừ A Tiên	2017	2a1	Vừ A Pó	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
27	Thào Thị Dĩa	2017	2a1	Thào A Vá	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
28	Lường Thị Kim Ngân	2017	2a1	Lường Văn Muôn	Bản Nà Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
29	Cút Huy Hoàng	2017	2a1	Cút Văn Thor	Bản Nà Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
30	Lò Việt Hoàng	2017	2a2	Lò Văn Tuyển	Bản Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
31	Lò Đức Mạnh	2017	2a2	Lò Văn May	Bản Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
32	Lò Văn Minh Nghĩa	2017	2a2	Lò Văn Nhi	Bản Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
33	Lương Ngọc Tuyết	2017	2a2	Lương Văn Thương	Bản Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
34	Lò Văn Thiên	2017	2a2	Lò văn Mân	Bản Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
35	Lò Khánh Bin	2017	2a2	Lò Văn Sơn	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
36	Lò Hải Đăng	2017	2a2	Lò Văn Tương	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
37	Lương Hạo Thiên	2017	2a2	Lương Văn Tiến	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
38	Thào Thị Co	2017	2a2	Thào A Vư Pó	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
39	Thào A May Sơn	2017	2a2	Thào A Chênh	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
40	Lương Văn Đạt	2017	2a2	Lương Văn Thân	Bản Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
41	Lò Thị Minh Ngọc	2016	3a1	Lò Văn Cường	Bản Kham Pọm- Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
42	Lương Văn Đào	2016	3a1	Lò Thị Nga	Bản Kham Pọm- Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
43	Lò Thị Phương Thủy	2016	3a1	Lò Văn Thanh	Bản Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
44	Lò T. Phương Tuyết	2016	3a1	Lò Văn Chương	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
45	Lò Thị Hồng Nguyễn	2016	3a1	Lò Thị Thiết	Bản Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
46	Quảng Thị Bảo Chuyên	2016	3a1	Quảng Văn Tiến	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
47	Thào Dải Hoa	2016	3a1	Thào A Dê	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
48	Thào A Tuấn	2016	3a1	Thào A Cài	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
49	Thào Thị Hua	2016	3a1	Thào A Lòng	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
50	Cút Anh Tuấn	2016	3a1	Cút Văn Thor	Bản Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
51	Lò Duy Nam	2016	3a1	Lò Văn Bun	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
52	Lương Thị Chúc Mai	2016	3a2	Lương Văn Quỳnh	Bản Kham Pọm- Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
53	Lương Minh Vương	2016	3a2	Lương Thị Biên	Bản Kham Pọm- Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
54	Mong Thị Thiên Trúc	2016	3a2	Mong Văn Yên	Bản Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
55	Lương Thanh Dương	2016	3a2	Lương Văn Lưn	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
56	Lương Duy Khánh	2016	3a2	Lương Văn Muôn	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
57	Sùng Thị Chi Mai	2016	3a2	Sùng A Vư	Xã Pú Hồng - Điện Biên Đông	936.000		15	5	4.680.000		75	
58	Vư Thị Chu	2016	3a2	Vư A Pó	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
59	Thào Thị Tâm	2016	3a2	Thào A Công	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
60	Cút Xuân Hiếu	2016	3a2	Cút Văn Học	Bản Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
61	Cút Văn Hiệp	2016	3a2	Cút Văn Khuyên	Bản Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
62	Lò Thị Kim Phương	2015	4A1	Lò Thị Học	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
63	Mong Đông Úc	2015	4A1	Mong Văn Kẹo	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
64	Lò Thúy Linh	2015	4A1	Lò Văn Tiến	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
65	Lương Văn Thắm	2015	4A1	Lương Văn Bấu	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
66	Lò Thị Minh Nghệ	2015	4A1	Lò Thị Văn	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
67	Thào Thị Chư	2015	4A1	Thào A Công	C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
68	Thào Thị Si	2015	4A1	Thào A Vư Pó	C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
69	Sùng Thị Cá	2015	4A1	Thào Thị Bia	Pú Hồng - Điện Biên Đông	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
70	Lương Thị Bảo Nam	2015	4A1	Lương Thị Lâm	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
71	Giàng A Say	2015	4A1	Giàng A Pó	C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
72	Lò Thị Minh Hậu	2015	4A2	Lò Văn Siêng	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
73	Lò Thị Nguyệt	2015	4A2	Lò Văn Liêng	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
74	Lương Thị Ương	2015	4A2	Lò Thị Hom	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
75	Lương Thị Ngọc Hoàng	2015	4A2	Lò Văn Tương	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
76	Lò Thị Minh Thương	2015	4A2	Cút Văn Thân	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
77	Thào A Nénh	2015	4A2	Thào A Ly	C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
78	Lương Văn Phúc	2015	4A2	Lương Văn Thân	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
79	Lương Thị Út	2015	4A2	Lương Văn Đêm	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
80	Lương Thị Thủy Diệp	2014	5A1	Lò Thị Nga	Khăm Pòm - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
81	Lò Văn Hoàng	2014	5A1	Lò Thị Lợi	Khăm Pòm - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
82	Lương Văn Thành	2014	5A1	Lương Văn Cảm	Khăm Pòm - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
83	Lò Trà Vy	2014	5A1	Lò Văn Dung	Khăm Pòm - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
84	Lò Thanh Tùng	2014	5A1	Lò Thị Thoa	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
85	Lò Văn Minh Khải	2014	5A1	Lò Văn Nhi	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
86	Mòng Văn Nhất	2014	5A1	Lò Thị Duyên	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
87	Lò Văn Mạnh	2014	5A1	Lò Thị Diên	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
88	Lương V Hạo Trường	2014	5A1	Lương Văn Thương	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
89	Lò Thị Ngọc Duyên	2014	5A1	Lò Văn Thu	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
90	Lò Minh Kiên	2014	5A1	Lò Văn Khuyên	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
91	Thào A Anh	2014	5A1	Thào A Cài	C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
92	Thào Thị Giông	2014	5A1	Thào A Vá	C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
93	Cút Văn Trúc	2014	5A1	Cút Văn Cát	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
94	Cút Thị Hằng	2014	5A1	Cút Văn Khuyên	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
95	Lò Văn Bình	2014	5A1	Lò Văn Nhi	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
96	Lương Văn Minh Đăng	2014	5A2	Lương Văn Tân	Khăm Pòm - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
97	Lò Văn Trang	2014	5A2	Lò Văn Tuấn	Khăm Pòm - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
98	Lò Anh Tuấn	2014	5A2	Lò Văn Thanh	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
99	Lò Thị Tường Vi	2014	5A2	Lò Văn Minh	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
100	Lò Nam Giới	2014	5A2	Lò Văn Phương	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
101	Lò Thị Truyền	2014	5A2	Lò Văn Tình	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
102	Lò Thị Ngân	2014	5A2	Lò Thị Thêm	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
103	Lò Thị Dương	2014	5A2	Quang Văn Ngọc	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
104	Lò Đức Duy	2014	5A2	Lò Văn Tiến	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
105	Lương Duy Lợi	2014	5A2	Lương Văn Tuyết	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
106	Lương Thành Đạt	2014	5A2	Lương Văn Tiến	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Chí chú
107	Quảng Thị Minh Tuệ	2014	5A2	Quảng Văn Tiến	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
108	Thào A Minh	2014	5A2	Thào A Đà	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
109	Thào Thị Pa	2014	5A2	Thào A Say	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
110	Thào Thị Tau	2014	5A2	Thào A Công	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
111	Thào A Ná	2014	5A2	Thào A Vư Pố	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
112	Lò Thị Thủy Tiên	2014	5A2	Lò văn Bun	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
113	Cút Thị Doanh	2014	5A2	Cút Văn Quyền	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
114	Lò Văn Lâm	2014	5A2	Lò Văn Thanh	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
115	Lương Thị Anh	2013	6A1	Lương Văn Nhọt	Huổi Chon- Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
116	Mòng Thị Hồng Anh	2013	6A1	Mòng Văn Quỳnh	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
117	Vị Phan Anh	2013	6A1	Vị Văn Tha	Bản Lối- Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
118	Lò Thị Bình	2013	6A1	Lò Văn Liêng	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
119	Lò Thị Chui	2013	6A1	Lò Văn Hinh	Tin Tộc -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
120	Thào Thị Chư	2013	6A1	Thào A Tùng	Noong É-Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
121	Lương Văn Chuyên	2013	6A1	Lương Văn Bao	Tin Tộc -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
122	Thào A Cường	2013	6A1	Thào A Vư	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
123	Lò Thị Hồng Diệp	2013	6A1	Lò Văn Long	Bản Lối -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
124	Lương Văn Đôn	2013	6A1	Lương Văn Sâm	Tin Tộc -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
125	Thào Thị Dưa	2013	6A1	Thào A Sênh	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
126	Lò Thị Khánh Huyền	2013	6A1	Lò Văn Hải	Bản Lối Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
127	Lương Văn Hoàng	2013	6A1	Lương Văn Nhân	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
128	Cút Văn Hắc	2013	6A1	Cút Văn Lư	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
129	Lò Văn Khai	2013	6A1	Lò Văn Đình	Huổi Chon Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
130	Vị Văn Khuyến	2013	6A1	Vị Văn Xích	Bản Lối Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
131	Lương Văn Luyến	2013	6A1	Lương Văn Dưn	Huổi Chon Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
132	Lò Thị Phong	2013	6A1	Lò Văn Tới	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
133	Lò Văn Quang	2013	6A1	Cút Thị Bau	Huổi Không Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
134	Vị Vinh Quang	2013	6A1	Vị Văn Phanh	Bản Lối Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
135	Lò Thanh Quyền	2013	6A1	Lò Văn Pha	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
136	Cút Thị Quỳnh	2013	6A1	Cút Văn Khăm	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
137	Lương Thị Thái	2013	6A1	Lương Văn Nguyên	Tin Tộc -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
138	Lương Văn Thoang	2013	6A1	Lương Văn Chiến	Huổi Không Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
139	Lương Thị Thiên	2013	6A1	Lương Văn Cầm	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
140	Thào A Cả Súa	2013	6A1	Thào A Chư	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
141	Thào Thị Vư	2013	6A1	Thào A Po Dê	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
142	Lò Thị Yên	2013	6A1	Lò Văn Bảo	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
143	Lò Văn Bảo	2013	6A2	Lò Văn Thành	Bản Lối Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Chú chú
144	Cút Văn Bằng	2013	6A2	Cút Văn Khan	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
145	Lường Thị Bích	2013	6A2	Lường Thị Lâm	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
146	Lò Thị Chi	2013	6A2	Lường Văn Lan	Tin Tộc Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
147	Vừ A Dênh	2013	6A2	Vừ A Dơ	Noong É Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
148	Cút Thị Doanh	2013	6A2	Cút Thị Xeng	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
149	Lò Văn Đại	2013	6A2	Lò Văn Nhật	Huổi Chon Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
150	Lò Văn Đông	2013	6A2	Lò Văn Pan	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
151	Lường Văn Hà	2013	6A2	Lường Văn Luyện	Tin Tộc -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
152	Lò Thị Hào	2013	6A2	Lò Văn Sơ	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
153	Lò Văn Hội	2013	6A2	Lò Văn Phênh	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
154	Lò Thị Hợp	2013	6A2	Lò Văn Tinh	Tin Tộc- Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
155	Cút Văn Hiếu	2013	6A2	Cút Văn Ngọc	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
156	Lò Văn Hưng	2013	6A2	Lò Văn Chiến	Huổi Không Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
157	Lò Văn Nam	2013	6A2	Lò Văn Phan	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
158	Thào Thị Súa Nénh	2013	6A2	Thào A Pênh	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
159	Lò Thị Tâm Như	2013	6A2	Lò Văn Thân	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
160	Lò Thị Bích Nghệ	2013	6A2	Lò Văn Siêng	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
161	Lò Thị Thào Nguyễn	2013	6A2	Lò Văn Trường	Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
162	Thào Thị Lia	2013	6A2	Thào A Sênh	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
163	Lò Thị Linh HC	2013	6A2	Lường Văn Khánh	Huổi Chon Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
164	Lò Thị Linh HK	2013	6A2	Lò Văn Vinh	Huổi Không Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
165	Lò Thị Minh Phương	2013	6A2	Lò Văn Phấn	Bản Lói -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
166	Thào A Thàng	2013	6A2	Thào A Dê	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
167	Lò Văn Thuyết	2013	6A2	Lò Văn Chung	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
168	Lường Văn Truyền	2013	6A2	Lò Văn Dinh	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
169	Giàng A Trường	2013	6A2	Giàng Pó Chua	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
170	Lò Thị Sơn	2013	6A2	Lò Văn Tuôn	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
171	Thào Thị Bi	2013	6A3	Thào A Chá	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
172	Lò Thị Hồng Diệp	2013	6A3	Lò Văn Kiêm	Huổi Không Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
173	Lường Thị Chuyên	2013	6A3	Quảng Văn Nguyên	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
174	Lường Đức Đạt	2013	6A3	Lường Văn Hải	Tin Tộc -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
175	Lò Văn Đạo	2013	6A3	Lò Văn Quê	Tin Tộc -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
176	Lò Thị Diễm Hằng	2013	6A3	Lò Văn Liên	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
177	Cút Thị Hậu	2013	6A3	Cút Văn Khuyên	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
178	Lường Văn Huy	2013	6A3	Lường Văn May	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
179	Trương Thị Mai Hương	2013	6A3	Trương Văn Ngọc	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
180	Lò Minh Khang	2013	6A3	Lò Văn Lâm	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tiền ở được hồ trợ/tháng	Gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hồ trợ/tháng	Tổng số gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Chi chú
181	Vì Văn Khải	2013	6A3	Vì Văn Thương	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
182	Lương Thị Lê	2013	6A3	Lương Văn May	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
183	Lò Thị Lưu	2013	6A3	Lò Văn Nuong	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
184	Lò Văn Mạnh	2013	6A3	Lò Văn Khôn	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
185	Lò Văn Nam	2013	6A3	Lò Văn Quê	Huổi Không Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
186	Vừ Thị Pa	2013	6A3	Vừ Tông Dênh	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
187	Lò Văn Phúc	2013	6A3	Lò Thị Thor	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
188	Thào Nênh Pó	2013	6A3	Thào A Cha	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
189	Lò Thị Thanh Tâm	2013	6A3	Lò Văn Lả	Tin Tót -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
190	Lương Thị Thắng	2013	6A3	Lương Văn Dũng	Co Đũa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
191	Quảng Tuấn Tú	2013	6A3	Quảng Đăng Sang	Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
192	Lương Văn Tuấn	2013	6A3	Mòng Thị Quê	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
193	Lò Minh Trí	2013	6A3	Lò Văn Cương	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
194	Thào A Trường	2013	6A3	Thào A Mênh	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
195	Vì Anh Sao	2013	6A3	Vì Văn Vinh	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
196	Lò Thị Hồng Sen	2013	6A3	Lương Văn Thuận	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
197	Lương Thị Ưong	2013	6A3	Lương Văn Hành	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
198	Lương Thị Phong	2012	7A1	Lương Văn Chiến	Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
199	Lò Thị Bích	2012	7A1	Quảng Văn Ngọc	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
200	Lương Hạo Duy	2012	7A1	Lò Thị Phương	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
201	Lương Thị Minh	2012	7A1	Lương Văn Chung	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
202	Lò Thị Nguyệt	2012	7A1	Lò Văn Ngam	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
203	Lương Thị Uyên	2012	7A1	Lò Thị Hom	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
204	Lò Thị Huyền Diệu	2012	7A1	Lò Thị Muôn	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
205	Lò Anh Khoa	2012	7A1	Quảng Thị Minh	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
206	Cút Văn Hắc	2012	7A1	Cút Thị Soi	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
207	Lương Thị Duyên	2012	7A1	Lương Văn Đêm	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
208	Lò Thanh Bình	2012	7A1	Lò Thị Khăm	Huổi Không Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
209	Lương Thị Anh	2012	7A1	Lương Văn Nhân	Co Đũa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
210	Cút Văn Duy	2012	7A1	Cút Văn Châu	Co Đũa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
211	Lương Văn Hiệu	2012	7A1	Lương Văn Trường	Tin Tót-Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
212	Nà Thị Nhi	2012	7A1	Nà Văn Sang	Co Đũa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
213	Thào A Pó Dê	2012	7A1	Thào A Lồng	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
214	Thào Thị Di	2012	7A1	Thào A Sĩa	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
215	Lương Văn Lê	2012	7A1	Lương Văn Dân	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
216	Lương Thị Hào	2012	7A1	Lương Văn Pan	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
217	Thào Pa Tà	2012	7A1	Thào A Ma	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tiền ở được hồ trợ/tháng	Gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hồ trợ/tháng	Tổng số gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
218	Thào A Dương	2012	7A1	Thào A Chư	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
219	Lường Đại Nguyên	2012	7A2	Lường Văn Luân	Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
220	Lò Văn Phóng	2012	7A2	Lò Văn Tình	Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
221	Lường Thị Ngọc Bích	2012	7A2	Lò Văn Thương	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
222	Sùng Tiến Dũng	2012	7A2	Sùng A Tráng	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
223	Lò Thanh Đạt	2012	7A2	Lường Văn Pan	Na cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
224	Lò Thị Hanh	2012	7A2	Lò Văn Liêng	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
225	Phạm Quốc Huy	2012	7A2	Vị Thị Xuân	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
226	Lò Thị Thu Hoài	2012	7A2	Lò Văn Bun	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
227	Lò Văn Đăng Khôi	2012	7A2	Lò Thị Kẹo	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
228	Lò Thị Phương Thảo	2012	7A2	Lò Văn Pha	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
229	Lường Thị Hợi	2012	7A2	Lường Văn Đêm	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
230	Lò Văn Công	2012	7A2	Lò Văn Ơi	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
231	Lò Quang Duy	2012	7A2	Lò Văn Thích	Huổi Không Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
232	Lò Thị Hành	2012	7A2	Lò Văn Phúc	Huổi Không Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
233	Lò Văn Hợp	2012	7A2	Lò Văn Thi	Huổi Không Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
234	Lường Thị Duyên	2012	7A2	Lường Văn Nam	Tin Tắc-Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
235	Lường Thị Mơn	2012	7A2	Lường Thị Phon	Có Đưa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
236	Lường Thị Quách	2012	7A2	Lường Văn Xuân	Có Đưa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
237	Giàng A Sáng	2012	7A2	Giàng A Pó	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
238	Vừ Thị Ca Dừa	2012	7A2	Vừ A Dơ	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
239	Vừ Thị Sĩ	2012	7A2	Vừ Pó Chua	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
240	Thào A Thang	2012	7A2	Vàng Thị Chư	Noong É -Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
241	Lường Văn Chí	2012	7A3	Lường Văn Cầm	Bản Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
242	Mòng Văn Hải	2012	7A3	Lò Thị Hặc	Bản Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
243	Lò Thị Hạnh	2012	7A3	Lò Văn Thên	Bản Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
244	Lường Thị Hằng	2012	7A3	Lường Văn Chiến	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
245	Lường Văn Lợi TT	2012	7A3	Lường Văn Nam	Bản Tin Tắc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
246	Lò Thị Hương Thảo	2012	7A3	Lò Văn Cương	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
247	Lò Thị Vân	2012	7A3	Lò Văn Hặc	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
248	Lò Thị Huyền Châu	2012	7A3	Lò Văn Thông	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
249	Trịnh Nguyễn Hồng Quế	2012	7A3	Lò Thị Phong	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
250	Lò Văn Khải	2012	7A3	Lò Văn Khuyên	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
251	Lường Thị Ly	2012	7A3	Lường Văn Tuấn	Huổi Không- Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
252	Lò Văn Thắng	2012	7A3	Cút Thị Bàu	Huổi Không- Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
253	Lường Văn Đông	2012	7A3	Lường Văn Uôn	Tin Tắc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
254	Lường Thị Hợi	2012	7A3	Lường Văn Chanh	Bản Tin Tắc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
255	Lương Văn Lợi NC	2012	7A3	Lương Thị Thinh	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
256	Nà Thị Sy	2012	7A3	Nà Văn Dương	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
257	Cút Thị Trang	2012	7A3	Cút Văn Khăm	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
258	Thào Thị Chua	2012	7A3	Thào A Vư Pô	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
259	Lương Văn Hạo	2012	7A3	Lương Văn Khánh	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
260	Giàng Thị Lại	2012	7A3	Giàng Pô Chua	Bản Noong é - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
261	Thào A Tềng	2012	7A3	Thào A Vư	Bản Noong é - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
262	Thào A Tông	2012	7A3	Thào A Nênh	Bản Noong é - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
263	Lò Thị Tuyết	2012	7A3	Lò Văn Thời	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
264	Lò Hảo Nam	2012	7A4	Lò Văn Phương	Bản Pá Chà - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
265	Lò Văn Chuyên	2012	7A4	Lò Văn Miôn	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
266	Lương Thị Hà	2012	7A4	Lương Văn Bầu	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
267	Lò Thị Hải	2012	7A4	Lò Thị Thoan	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
268	Lò Văn Khánh	2012	7A4	Lò Thị Thor	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
269	Lò Văn Thủy HK	2012	7A4	Lò Văn Quý	Huổi Không- Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
270	Lò Thị Thoa	2012	7A4	Trần Văn Trung	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
271	Lò Thị Ngọc Trâm	2012	7A4	Lò Tiến Văn	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
272	Lò Thanh Tùng	2012	7A4	Lò Thị Ún	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
273	Lương Văn Thanh	2012	7A4	Lương Văn Định	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
274	Lương Văn Văn	2012	7A4	Lương Văn Nhọt	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
275	Lò Văn Thủy NC	2012	7A4	Lò Văn Sọn	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
276	Lò Thị Vũ TT	2012	7A4	Lò Văn Quê	Bản Tìn Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
277	Nà Văn Chuyên	2012	7A4	Nà Văn Tranh	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
278	Lò Thị Nguyên	2012	7A4	Lương Thị Viên	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
279	Lò Thị Vũ HK	2012	7A4	Lò Thị Nụ	Huổi Không- Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
280	Lương Thị Yến	2012	7A4	Lương Văn Cầm	Bản Tìn Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
281	Thào Thị Hua	2012	7A4	Thào A Chênh	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
282	Lò Văn Huy	2012	7A4	Lò Văn Tiết	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
283	Thào Thị Ca Rùa	2012	7A4	Thào A Dưa	Bản Noong é - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
284	Thào A Thắng	2012	7A4	Thào A Công	Bản Noong é - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
285	Lò Lệ Quyên	2012	7A4	Lò Văn Thum	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
286	Quàng Thị Yến Châu	2011	8A1	Quàng Đăng Sang	Bản Pá Chà - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
287	Lò Thị Vũ Trâm	2011	8A1	Lò Thị Ương	Bản Pá Chà - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
288	Lò Văn Hà	2011	8A1	Lò Văn Kim	Bản Huổi Cảnh -Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
289	Lò Thanh Tùng	2011	8A1	Lò Văn Dương	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
290	Lò Thị Uyên	2011	8A1	Cút Văn Khăn	Bản Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
291	Lò Thị Hà Giang	2011	8A1	Lò Văn Thân	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
292	Lò Thái Khang	2011	8A1	Lò Văn Thương	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
293	Lò Thu Vân	2011	8A1	Lò Văn Say	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
294	Vì Thị Ngọc Ánh	2011	8A1	Vì Văn Thương	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
295	Lò Tiến Đạt	2011	8A1	Lò Văn Phôm	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
296	Lò Duy Nhất	2011	8A1	Lò Văn Mỹ	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
297	Mòng Văn Nguyệt	2011	8A1	Mòng Văn Thắng	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
298	Lò Văn Tịch	2011	8A1	Lò Văn Dũng	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
299	Lò Thị Lả	2011	8A1	Lò Văn Tinh	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
300	Lò Thị Hải	2011	8A1	Lò Văn Cương	Bản Tin Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
301	Lò Thị Đình TT	2011	8A1	Lò Văn Hình	Bản Tin Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
302	Lường Tuyên Quang	2011	8A1	Lường Văn Tiên	Bản Tin Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
303	Lường Thị Nguyên	2011	8A1	Lường Văn Hải	Bản Tin Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
304	Lường Thị Khoa	2011	8A1	Lường Văn Nam	Bản Tin Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
305	Cút Thị Hà	2011	8A1	Cút Văn Lang	Bản Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
306	Nạ Văn Tuấn	2011	8A1	Nạ Văn Bin	Bản Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
307	Cút Văn Khoa	2011	8A1	Cút Văn Nhang	Bản Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
308	Thào Thị Chông	2011	8A1	Thào A Sai	Bản Noong é - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
309	Thào A Tun Dơ	2011	8A1	Thào A Hừ	Bản Noong é - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
310	Quảng Văn Diệp	2011	8A1	Lường Thị Liên	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
311	Lò Thị Đình HK	2011	8A1	Lò Thị Vinh	Huổi Không- Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
312	Mong T.Thiến Đoá	2011	8A2	Mong Văn Kẹo	Bản Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
313	Lò Văn Diệp	2011	8A2	Lò Văn Tới	Bản Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
314	Lò Văn Hải	2011	8A2	Lò Văn Hòa	Bản Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
315	Lò Văn Anh	2011	8A2	Lò Văn Kim	Bản Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
316	Lò Thị Anh	2011	8A2	Lò Thị Hương	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
317	Lò Văn Tuyết	2011	8A2	Lò Văn Muôn	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
318	Lường Thị Thúc	2011	8A2	Lường Văn May	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
319	Mong Văn Duy	2011	8A2	Mong Văn O	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
320	Lò Thị Huệ	2011	8A2	Lò Văn Bun	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
321	Lò Ngọc Thiện	2011	8A2	Lò Văn Cương	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
322	Vì Văn Tài	2011	8A2	Vì Văn Muôn	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
323	Lò Thị Định	2011	8A2	Lò Văn Triền	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
324	Lò Bảo An	2011	8A2	Lò Văn Phấn	Bản Lối - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
325	Lò Văn Thắng	2011	8A2	Lò Văn Nhọt	Bản Tin Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
326	Lường Văn Mạnh	2011	8A2	Lường Văn Quý	Bản Tin Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
327	Lường Văn Khôi	2011	8A2	Lường Văn Thoi	Bản Tin Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
328	Lò Thị Thảo	2011	8A2	Lò Văn Khôi	Bản Tin Tộc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tiền ở được hồ trợ/tháng	Gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hồ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hồ trợ/tháng	Tổng số gạo được hồ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
329	Lương Thị Thắm	2011	8A2	Lương Văn Sâm	Bản Tân Túc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
330	Cút Thị Thăng	2011	8A2	Cút Văn In	Bản Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
331	Lương Văn Hiệu	2011	8A2	Lương Văn Thêm	Bản Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
332	Lương Thị Vân	2011	8A2	Lương Thị Lót	Bản Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
333	Thào A Son	2011	8A2	Thào A Sông	Bản Noong é - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
334	Thào Thị Lìa	2011	8A2	Thào A Chư	Bản Noong é - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
335	Thào A Du	2011	8A2	Thào A Dơ	Bản Noong é - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
336	Lò Văn Sơn	2011	8A2	Lò Văn Biên	Huổi Không - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
337	Lương Văn Chiến	2011	8A2	Lương Văn Nhọt	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
338	Lò Thị Hoa	2011	8A2	Lò Văn Phở	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
339	Lương T Phương Thảo	2011	8A3	Lương Văn Luân	Bản Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
340	Lò Thị Bích Doanh	2011	8A3	Lò Văn Siêng	Bản Huổi Cảnh -Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
341	Lò Thị Ngọc Bích BL	2011	8A3	Lò Văn Phan	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
342	Lò Văn Phương	2011	8A3	Lương Thị May	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
343	Lò Văn Kiệt	2011	8A3	Lò Thị Ảnh	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
344	Lò Thị Ngân	2011	8A3	Lò Văn Phan	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
345	Lương Văn Quý	2011	8A3	Lương Văn Thành	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
346	Lò Thị Ánh Chúc	2011	8A3	Lò Văn Thăm	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
347	Lò Thị Ngọc Bích NN	2011	8A3	Lò Văn Thu	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
348	Lò Thị Minh Thu	2011	8A3	Lò Văn Cương	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
349	Vì Thị Uyên Nhi	2011	8A3	Vì Văn Tha	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
350	Trịnh Nguyễn Hồng Kim	2011	8A3	Lò Thị Phong	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
351	Lương Văn Duy	2011	8A3	Lương Thị Lún	Tin Túc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
352	Lương Văn Tuấn	2011	8A3	Lương Văn Anh	Tin Túc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
353	Lương Thị Hạnh	2011	8A3	Lương Thị Chính	Tin Túc - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
354	Cút Thị Bắc	2011	8A3	Cút Văn Lư	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
355	Lò Văn Hòa	2011	8A3	Lương Thị Viên	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
356	Lương Thị Chiến	2011	8A3	Lương Thị Thích	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
357	Thào Thị Dâu	2011	8A3	Thào A Dĩa	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
358	Vừ A Phong	2011	8A3	Vừ A Nênh	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
359	Thào A Giổng	2011	8A3	Thào A Chá	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
360	Thào A Hành	2011	8A3	Thào A Mênh	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
361	Lương Văn Niệm	2011	8A3	Lương Văn Dân	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
362	Lương Văn Cái	2011	8A3	Lương Văn Bao	Huổi Không - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
363	Lò Thị Ngọc	2011	8A3	Lò Văn Thích	Huổi Không - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
364	Lò Văn Quân	2011	8A3	Lò Văn Kiêm	Huổi Không - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
365	Lương Thị Xuyên	2010	9A1	Lương Văn Biên	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Ghi chú
366	Lương Thị Hoài	2010	9A1	Lương Văn Chiến	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
367	Lò Thị Ngọc Hằng	2010	9A1	Lò Thị Phương	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
368	Lò Thị Mùi	2010	9A1	Lò Văn Khuyên	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
369	Thào Thị Di	2010	9A1	Thào A Lồng	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
370	Thào A Súa	2010	9A1	Thào A Di	Bản C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
371	Lò Văn Công	2010	9A1	Lò Thị Biên	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
372	Lò Thị Diệp	2010	9A1	Lò Văn Ly	Bản Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
373	Lò Văn Chiến	2010	9A1	Lò Văn Chính	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
374	Lò Thị Ánh Dương	2010	9A1	Lò Văn Phím	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
375	Vì Văn Việt	2010	9A1	Vì Thị Nhung	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
376	Lò Thị Lương	2010	9A1	Lò Văn Vui	Tin Tót - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
377	Lương Văn Ai	2010	9A1	Lò Thị Muôn	Tin Tót - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
378	Lò Thị Anh	2010	9A1	Lò Văn Phan	Tin Tót - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
379	Thào A Bi	2010	9A1	Thào A Cha	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
380	Thào A Cài	2010	9A1	Thào A Ly	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
381	Vừ A Cong	2010	9A1	Vừ A Dơ	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
382	Thào A Cửa	2010	9A1	Thào A Nénh	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
383	Lương Văn Hắc	2010	9A1	Lương Văn Lương	Co Đũa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
384	Lương Thị Tiêu	2010	9A1	Lương Văn Định	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
385	Cút Thị Tuyết	2010	9A1	Cút Văn Khuyên	Na Chén - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
386	Lò Thị Thào	2010	9A1	Lò Văn Quý	Huổi Không - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
387	Quàng Văn Thực	2010	9A1	Lương Thị Liên	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
388	Lò Tuấn Anh	2010	9A2	Lò Văn Hòa	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
389	Mong A Hạo	2010	9A2	Mong Văn Nhọt	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
390	Lò Văn Thái	2010	9A2	Lò Thị Duyên	Pá Chá - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
391	Sùng Thị Ngọc Mai	2010	9A2	Lò Thị Thanh	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
392	Lò Văn Minh	2010	9A2	Lò Văn Hòa	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
393	Lương Văn Vượng	2010	9A2	Lương Văn Nhọt	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
394	Giàng A Hù	2010	9A2	Giàng A Pó	C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
395	Vì Thị Như Quỳnh	2010	9A2	Vì Văn Xích	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
396	Lò Xuân Vũ	2010	9A2	Lò Văn May	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
397	Lò Văn Lợi	2010	9A2	Lò Văn Thành	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
398	Lương Văn Đoàn	2010	9A2	Lương Thị Thuận	Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
399	Lò Văn Phong	2010	9A2	Lương Thị May	Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
400	Mòng Văn Quang	2010	9A2	Mòng Văn Thắng	Na Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
401	Lương Thị Hưng	2010	9A2	Lương Văn Sâm	Tin Tót - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
402	Lương Thị Loan	2010	9A2	Lương Văn Biên	Tin Tót - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ	Hộ khẩu thường trú	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Chi chú
403	Nà Văn Nghi	2010	9A2	Nà Văn Bin	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
404	Thào Thị Ong	2010	9A2	Thào A Chơ	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
405	Thào Thị Ích Si	2010	9A2	Thào A Chư	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
406	Thào Thị Chi	2010	9A2	Thào A Sia	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
407	Lường Văn Miên	2010	9A2	Lường Văn Pan	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
408	Lường Thị Duyên	2010	9A3	Lường Văn Thuận	Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
409	Lò Văn Hưng	2010	9A3	Lò Văn Thèn	Pá Chả - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
410	Lường Thị Thào	2010	9A3	Lường Văn Nhân	Huổi Cảnh - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
411	Lò Trọng Diễm	2010	9A3	Lò Văn Chính	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
412	Lò Thị Hoi	2010	9A3	Lò Văn Uôn	Noong Ngua - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
413	Thào A Thắng	2010	9A3	Thào A Công	C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
414	Thào A Pó	2010	9A3	Thào A Di	C5 - Phu Luông	936.000		15	5	4.680.000		75	
415	Vì Thị Ánh Tuyết	2010	9A3	Vì Văn Vinh	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
416	Lò Nhật Tường	2010	9A3	Lò Văn Long	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
417	Lò Đình Xuân	2010	9A3	Lò Văn Quyền	Bản Lói - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
418	Lò Văn Cường	2010	9A3	Lò Văn Vinh	Nà Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
419	Lường Văn Kiệt	2010	9A3	Lường Văn Chiến	Nà Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
420	Lò Thị Kiều	2010	9A3	Lò Văn Thân	Nà Cọ - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
421	Lường Thị Loan	2010	9A3	Nà Văn Tranh	Co Dứa - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
422	Thào Công Minh	2010	9A3	Thào Đà Pó	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
423	Thào Thị Sầu	2010	9A3	Thào A Công	Noong É - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
424	Lường Văn Ngọc	2010	9A3	Lường Văn Quý	Tin Tót - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
425	Lường Văn Thuận	2010	9A3	Lường Văn Lợi	Tin Tót - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
426	Lường Thị Hân	2010	9A3	Lường Văn Phôm	Huổi Chon - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
427	Lò Thị Yêu	2010	9A3	Lò Văn Nhơ	Huổi Không - Mường Lói	936.000		15	5	4.680.000		75	
Tổng cộng										1.998.360.000	0	32.025	